

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ KIẾN
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN
(Tính đến ngày 05/09/2019)**

Khoa: Công nghệ thực phẩm

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	
1	CD61702853	Nguyễn Văn Phúc Anh	C17_TP01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
2	CD61701411	Trần Anh	C17_TP01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
3	CD61704610	Lâm Thụy	C17_TP01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4	CD61701381	Huỳnh Thị Xuân	C17_TP01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
5	CD61702818	Nguyễn Ngọc	C17_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	10
6	CD61701749	Trương Tuyết	C17_TP01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
7	CD61700373	Phạm Thị Hoàng	C17_TP01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
8	CD61704738	Vũ Phạm Mỹ	C17_TP01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
9	CD61700710	Nguyễn Ngọc Minh	C17_TP01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
10	CD61705237	Bạch Ngọc Phương	C17_TP01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1	DH61600638	Nguyễn Khả	ái	D16_TP01	0	-	-	-	-	-	-	15
2	DH61600185	Đoàn Huy	Bình	D16_TP01	1	-	-	-	-	1	-	14
3	DH61600694	Nguyễn Huỳnh Thanh	Hằng	D16_TP01	3	-	-	-	-	3	-	12
4	DH61600635	Vũ Thanh	Hằng	D16_TP01	1	-	-	-	-	1	-	14
5	DH61600799	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	D16_TP01	0	-	-	-	-	-	-	15
6	DH61600603	Trần Trung	Hiếu	D16_TP01	0	-	-	-	-	-	-	15
7	DH61600488	Trần Ngọc	Hoa	D16_TP01	30	30	-	-	-	-	-	0
8	DH61600218	Đỗ Thị Thanh	Hoàng	D16_TP01	4	-	-	-	-	4	-	11
9	DH61600147	Trần Cát	Hoàng	D16_TP01	2	-	-	-	-	2	-	13
10	DH61600054	Nguyễn Thị Trúc	Hương	D16_TP01	0	-	-	-	-	-	-	15
11	DH61600421	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	D16_TP01	6	-	-	-	-	6	-	9
12	DH61600121	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	D16_TP01	0	-	-	-	-	-	-	15

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	
7	DH61601096	Tất Tính	Đạt	D16_TP02	18.5	-	-	-	1	17.5	-	-	0
8	DH61601249	Nguyễn Thị	Hà	D16_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
9	DH61601580	Lê Nguyễn Kiều	Hoa	D16_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
10	DH61601461	Trần Thị Ngọc	Huyền	D16_TP02	3	-	-	-	-	3	-	-	12
11	DH61600837	Nguyễn Xuân	Hương	D16_TP02	33	30	-	-	-	3	-	-	0
12	DH61601584	Trần Tuấn	Khanh	D16_TP02	52	43	-	-	1	8	-	-	0
13	DH61600809	Nguyễn Duy	Khánh	D16_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
14	DH61601582	Nguyễn Ngọc Kim	Khánh	D16_TP02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
15	DH61603840	Phan Khánh	Linh	D16_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
16	DH61601438	Trần Chí	Linh	D16_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
17	DH61601480	Trần Tấn	Lĩnh	D16_TP02	9.5	-	-	-	-	9.5	-	-	5.5
18	DH61601111	Võ Quốc	Luân	D16_TP02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
19	DH61601291	Trần Thị Thanh	Ly	D16_TP02	7	-	-	-	-	7	-	-	8
20	DH61600979	Huỳnh Thị Phương	Ngọc	D16_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
21	DH61601339	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	D16_TP02	1	-	-	1	-	-	-	-	14
22	DH61603537	Dương Thị ánh	Nguyệt	D16_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
23	DH61601485	Nguyễn Thị Tuyết	Oanh	D16_TP02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
24	DH61600919	Lê Quang	Phú	D16_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
25	DH61601467	Nguyễn Thị Kim	Phượng	D16_TP02	35	30	-	1	-	4	-	-	0
26	DH61601261	Bùi Ngọc	Thành	D16_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
27	DH61601008	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	D16_TP02	2.5	-	-	1	-	1.5	-	-	12.5
28	DH61600863	Nguyễn Thủy	Tiên	D16_TP02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
29	DH61603626	Tô Di	Trân	D16_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
30	DH61601581	Trần Thục	Trinh	D16_TP02	4	-	-	-	-	4	-	-	11
31	DH61601505	Đỗ Lê Kiều	Vy	D16_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
32	DH61601396	Nguyễn Thị Tường	Vy	D16_TP02	2	-	-	-	-	2	-	-	13
1	DH61601828	Huỳnh Phú	Cường	D16_TP03	2.5	-	1	-	-	1.5	-	-	12.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	
2	DH61603001	Trần Kiều	Diễm	D16_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
3	DH61603568	Phạm Thị Xuân	Dung	D16_TP03	3	-	-	-	-	3	-	-	12
4	DH61601802	Huỳnh Anh	Đào	D16_TP03	1	-	-	-	-	1	-	-	14
5	DH61602343	Trần Hoàng	Đức	D16_TP03	9	-	-	-	2	7	-	-	6
6	DH61602042	Nguyễn Tố	Huyền	D16_TP03	94	75	2	-	-	17	-	-	0
7	DH61603404	Nguyễn Thị Phương	Lan	D16_TP03	30	27	-	-	-	3	-	-	0
8	DH61603894	Nguyễn Hữu	Lợi	D16_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
9	DH61602390	Vũ Thị Tuyết	Mai	D16_TP03	18	-	-	-	-	18	-	-	0
10	DH61600778	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D16_TP03	3	-	2	-	-	1	-	-	12
11	DH61600507	Nguyễn Đặng Hồng	Ngọc	D16_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
12	DH61602592	Văn Thị Thanh	Nhạn	D16_TP03	24	10	-	-	-	14	-	-	0
13	DH61600234	Luong Dur	Phú	D16_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
14	DH61602222	Phạm Thị Hồng	Phúc	D16_TP03	5	-	2	-	-	3	-	-	10
15	DH61600329	Nguyễn Thị Phương	Tâm	D16_TP03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
16	DH61603113	Phạm Thị Hồng	Thắm	D16_TP03	6	-	-	-	-	6	-	-	9
17	DH61603350	Nguyễn Thị Minh	Thư	D16_TP03	4	-	2	-	-	2	-	-	11
18	DH61602862	Trần Thị Mộng	Thư	D16_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
19	DH61601784	Nguyễn Thị Hồng	Thương	D16_TP03	3	-	2	-	-	1	-	-	12
20	DH61602716	Nguyễn Thị	Tiền	D16_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
21	DH61600560	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D16_TP03	9.5	7.5	-	-	-	2	-	-	5.5
22	DH61602765	Nguyễn Thúy	Trang	D16_TP03	67	45	3	-	-	19	-	-	0
23	DH61602659	Trần Thị Thủy	Tuyên	D16_TP03	2	-	2	-	-	-	-	-	13
24	DH61601878	Nguyễn Thị Hồng	Tuyên	D16_TP03	1	-	-	-	-	1	-	-	14
25	DH61602683	Nguyễn Thị Thảo	Vy	D16_TP03	98.5	75	2	-	-	21.5	-	-	0
26	DH61603448	Nguyễn Huỳnh Như	ý	D16_TP03	4	-	2	-	-	2	-	-	11
27	DH61600508	Nguyễn Võ Như	ý	D16_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1	DH61602531	Nguyễn Thị Kim	Anh	D16_TP04	12.5	10	-	-	-	2.5	-	-	2.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	
2	DH61601022	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	D16_TP04	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0
3	DH61602406	Phạm Thị Thùy	Dương	D16_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
4	DH61604132	Dương Hoàng	Giang	D16_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
5	DH61602274	Bùi Minh	Hải	D16_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
6	DH61601865	Phạm Ngọc Thúy	Hiền	D16_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
7	DH61603317	Nguyễn Thế	Huy	D16_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
8	DH61602496	Phan Thị Thanh	Lan	D16_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
9	DH61600148	Diệp Mỹ	Linh	D16_TP04	12	10.5	-	-	1	0.5	-	-	3
10	DH61601020	Võ Ngọc	Linh	D16_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
11	DH61600907	Trần Công	Minh	D16_TP04	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
12	DH61602865	Phạm Thị Thanh	Nhi	D16_TP04	20	10	-	-	-	10	-	-	0
13	DH61600890	Đặng Thị Tuyết	Nhung	D16_TP04	3	-	-	-	-	3	-	-	12
14	DH61602558	Trương Tô Quỳnh	Như	D16_TP04	27	10	-	-	2	15	-	-	0
15	DH61602467	Đỗ Kiều	Oanh	D16_TP04	2	-	-	-	-	2	-	-	13
16	DH61602507	Võ Thị Linh	Tâm	D16_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
17	DH61601811	Trần Hữu	Thiện	D16_TP04	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
18	DH61603082	Nguyễn Thanh	Thương	D16_TP04	10	-	1	-	1	8	-	-	5
19	DH61600784	Đỗ Minh	Thy	D16_TP04	3	-	-	-	-	3	-	-	12
20	DH61600841	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	D16_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
21	DH61603899	Phạm Thị Thu	Trang	D16_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
22	DH61603474	Văn Thị Mai	Trân	D16_TP04	31	24	-	-	1	6	-	-	0
23	DH61603195	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	D16_TP04	32	30	-	-	-	2	-	-	0
24	DH61602280	Lê Thị Thanh	Trúc	D16_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
25	DH61602570	Huỳnh Thị Mộng	Tuyền	D16_TP04	57.5	36.5	-	-	1	20	-	-	0
26	DH61600897	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	D16_TP04	15.5	13	-	-	-	2.5	-	-	0
1	DH61601424	Nguyễn Xuân	An	D16_TP05	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
2	DH61601612	Trương Thị Thùy	Dung	D16_TP05	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	
17	DH61701201	Nguyễn Thị Hà	My	D17_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
18	DH61702347	Lê Thị ái	Quyên	D17_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
19	DH61701607	Lê Thị Thanh	Thảo	D17_TP02	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5
20	DH61701071	Nguyễn Minh	Thuận	D17_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
21	DH61704937	Bùi Nguyễn Anh	Thư	D17_TP02	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5
22	DH61701845	Trịnh Cung	Tiến	D17_TP02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
23	DH61701828	Lê Quang	Toàn	D17_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
24	DH61701383	Huỳnh Huyền	Trâm	D17_TP02	12	-	-	-	-	12	-	-	3
25	DH61701396	Lê Thị Ngọc	Tú	D17_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
26	DH61705220	Đình Quý	Vinh	D17_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
1	DH61703060	Nguyễn Mỹ Thu	An	D17_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
2	DH61703114	Phan Thiên	Ân	D17_TP03	12	-	-	-	-	12	-	-	3
3	DH61702886	Hà Tôn	Bảo	D17_TP03	14	-	-	-	-	14	-	-	1
4	DH61702309	Lê Trần Mị	Duyên	D17_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
5	DH61702488	Võ Anh	Đài	D17_TP03	6	-	-	-	-	6	-	-	9
6	DH61704989	Trần Phương	Giao	D17_TP03	17	-	2	-	-	15	-	-	0
7	DH61700403	Trần Bảo	Khang	D17_TP03	1	-	-	-	-	1	-	-	14
8	DH61703568	Lê Duy	Khoa	D17_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
9	DH61703009	Nguyễn Chí	Linh	D17_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
10	DH61702871	Trần Bảo	Lộc	D17_TP03	27	-	6	-	-	21	-	-	0
11	DH61703761	Hàng ái	Ngân	D17_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
12	DH61702816	Lâm Mỹ	Ngọc	D17_TP03	1	-	-	-	-	1	-	-	14
13	DH61703858	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	D17_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
14	DH61703870	Trần Thị Yến	Nhi	D17_TP03	1	-	-	-	-	1	-	-	14
15	DH61704090	Nguyễn Minh	Tài	D17_TP03	19.5	-	-	-	-	19.5	-	-	0
16	DH61702254	Trần Trương	Thảo	D17_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
17	DH61702240	Nguyễn Thị Kim	Tho	D17_TP03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	
16	DH61804193	Dương Thị Mai	Phuong	D18_TP03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
17	DH61805447	Cát Thị Ngọc	Quỳnh	D18_TP03	6	-	-	-	-	6	-	-	9
18	DH61805452	Phan Ngọc Diễm	Quỳnh	D18_TP03	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
19	DH61805530	Lê Quốc	Thái	D18_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
20	DH61805570	Lê Thị Kim	Thao	D18_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
21	DH61805648	Trương Hiếu	Thảo	D18_TP03	6	-	-	-	-	6	-	-	9
22	DH61803860	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	D18_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
23	DH61805773	Trần Thành	Tiếp	D18_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
24	DH61805861	Nguyễn Lê Tú	Trình	D18_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
25	DH61805879	Hồ Thụy Thanh	Trúc	D18_TP03	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
26	DH61805931	Lê Thị Cẩm	Tú	D18_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
27	DH61806009	Giang Mỹ	Vân	D18_TP03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
1	DH61801027	Phạm Thị Lan	Anh	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
2	DH61801065	Huỳnh Gia	Bảo	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
3	DH61800933	Lý Hoàng Kim	Chi	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
4	DH61801325	Đoàn Hữu	Định	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
5	DH61801498	Phạm Thanh	Hiếu	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
6	DH61802261	Thiệu Thanh	Hiếu	D18_TP04	1	-	-	-	-	1	-	-	14
7	DH61803650	Đào Thanh	Huyền	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
8	DH61800599	Đoàn Thị Cẩm	Hương	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
9	DH61802455	Nguyễn Thị	Lụa	D18_TP04	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
10	DH61801546	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	D18_TP04	6.5	-	-	-	1	5.5	-	-	8.5
11	DH61804160	Trần Nguyễn Tú	Như	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
12	DH61800795	Trần Hồng	Phúc	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
13	DH61805395	Hồ Thị Mai	Phuong	D18_TP04	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
14	DH61800011	Nguyễn Hoàng Nam	Phuong	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
15	DH61801127	Nguyễn Thanh	Thảo	D18_TP04	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	Nội dung							Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	
16	DH61805675	Nguyễn Hiệp	Thuận	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
17	DH61805809	Phan Thị Kiều	Trang	D18_TP04	4	-	-	-	1	3	-	-	11
18	DH61800971	Trịnh Thị Thùy	Trang	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
19	DH61806378	Hà Thị Ngọc	Trâm	D18_TP04	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
20	DH61805858	Lê Thị Lan	Trinh	D18_TP04	4.5	-	-	-	1	3.5	-	-	10.5
21	DH61801120	Lê Anh	Tùng	D18_TP04	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
22	DH61802939	Bùi Quang	Vinh	D18_TP04	2	-	-	-	-	2	-	-	13
23	DH61800182	Trần Chí	Vỹ	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15

Tổng số SV: **381**

Đã hoàn thành: **30**

Chưa hoàn thành: **351**

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Chiến dịch tình nguyện
- 2: Bảo vệ môi trường
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Hiến máu nhân đạo
- 5: Các hoạt động công tác xã hội khác
- 6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai
- 7: Các lớp học tình thương

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2020

Người lập bảng

Phụ trách phòng công tác Sinh viên

Đã ký

Đã ký

KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân

ThS. Lê Thị Phương Hằng